

ĐẠI NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

Sưu Tập trình bày: Pháp sư Bảo Lượng-Đời Lương.

QUYỂN 20

Phẩm 12: NHƯ LAI TÁNH, (Phần 3)

Nói rộng nghĩa Trung đạo:

Giải thích Trung đạo hữu vô.

Giải thích Trung đạo thật tướng.

Giải thích Trung đạo nối tiếp.

Giải thích nghĩa Phật tánh nương giữ, xây dựng.

Giải thích Ngà voi có lưới võng lúc sấm sét.

Ví dụ chữa mắt cho Một Trăm Người Mù.

Người nghèo gặp Vương Tử, ví dụ về con dao sạch nhiệm mầu.

“Lúc bấy giờ Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp” cho đến “Ông đã thành tựu trí tuệ sâu sắc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là đoạn Mười, nói việc Đức Phật lại ẩn khả, khen ngợi.”

“Nay ta sẽ lại vì ông nói về nhập Như lai tạng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã biết chỗ quy y rồi, thì phải tu tập hướng đến. Dưới đây, sẽ nói rộng về được và mất, nhằm chỉ rõ hạnh Trung đạo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây là đoạn lớn thứ tư. Trước kia đã triển khai về nghiệp lành, giải thích giáo xưa, không nói hàm thức có tánh, tức là vì nghiệp lành trái ngược nên không thành. Nay, y theo Viên giáo đều có chân tánh. Đây là chánh giải, tức là nghiệp lành. Vì lý sâu sắc khó hiểu, nhiều lần sinh ra chê bai. Khuyên chúng sinh tin hiểu, phải phải nhận thức về tướng trạng của quả đương lai, dù lại tiêu biểu tâm kế hợp cao xa, nhưng nếu không phải thực hành, thì sẽ không bước lên thêm bậc được.

Cho nên phải tu hạnh quán Trung đạo.

Dưới đây nói về Trung đạo, có chia ra mười việc:

1. Có hai câu, trước quyết định nhân quả, tức là lược chỉ thể tướng Trung đạo.

2. Nói trái với lý là điên đảo.

3. Nói đúng như lý là giải.

4. Nói Đức Như lai phát hiện biết giáo nghiêng lệch kia, có khả năng khéo trị liệu.

5. Lại nêu lý để xem xét đối tượng chấp đó.

6. Tìm nguồn gốc khởi “Hoặc” của chúng sinh kia. Vì đối với giáo nghiêng lệch mà Đức Như lai đã nói sinh ra nhiều chấp trước sai lầm!

7. Chẳng phải chỉ trực tiếp phát sinh điên đảo vô thường trong giáo nghiêng lệch, mà còn mê lời nói nhân, quả của giáo ngày xưa, nghĩ là hai pháp.

8. Trích dẫn Trung đạo nối nhau trong phẩm “Đăng chủ” kinh Bát-nhã.

9. Ví dụ gỏi sữa, phó mát, nhằm hiển rõ lý Trung đạo.

10. Khen ngợi giáo, nói lên sự tiềm ẩn sâu sắc của kinh này, bắt đầu là lý cùng cực.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là phần ba trong đoạn lớn, nói về ba thứ Trung đạo, chính là nói về tạo ra nghĩa của nghiệp lành:

1. Nói về Trung đạo lia đoạn thường hữu, vô.

2. Nói về Trung đạo thật tướng.

3. Nói về Trung đạo nối nhau.

Trung đạo lia hữu vô, gồm có năm chương:

1. Nói về mất.

2. Nói về được.

3. Điều là được, mất làm thí dụ.

4. Làm ví dụ với Đức Phật.

5. Khuyến thực hành.

Trong phần nói về mất:

1. Mở ra hai câu, nói rộng về ý của người bị đánh mất trong thiên hạ.

2. Từ câu: “Nếu nói các pháp đều vô Ngã” trở xuống, nêu cả sáu hạnh, chính là nói về mất. Hai câu đầu: “Nếu chấp thân có thần ngã, tức là thường kiến”. Là nói người như thế, không bao giờ lia khổ! Lại có người nói: “Đức Phật cũng đồng với Ngã của Thần ngã, đây là câu thứ nhất. Không có ngã, nghĩa là nếu cho rằng thân này, thậm chí còn hơn Đức Phật, đều là đoạn diệt, đều là pháp không thì cho dù có thực hành tịnh hạnh đi chăng nữa, cũng đâu có được gì?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Nói về Trung đạo không đoạn, không thường có năm ý:

1. Từ bắt đầu, cho đến “Không có lợi ích”, chính là nói về lý Trung đạo thường trú quyết định. Dù “Có” mà không ở trong nhân, nhưng quả thì chẳng phải hoàn toàn không có.

2. “Cuối cùng phải nhân đoạn, thường”, nói trái với thuyết đã nói trên, tức là sẽ trở thành hai kiến, cho là mất.

3. Đến “Xa lìa hai bên, mà nói là pháp chân thật”, nói về an tâm trong lý, tu được Trung đạo.

4. Đến “Phật tánh thanh tịnh, thường trụ, không thay đổi”, giải thích hai chương thứ hai và thứ ba ở trên, nói về lý do có ý “Hoặc”, “Giải”.

5. Đến “Dù có đến đi nhưng vẫn thường trụ không thay đổi”, là khuyên răn người học.”

“Nếu Ngã trụ, tức là pháp thường” cho đến “Tu hành hạnh thanh tịnh đều không có lợi ích.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước nói lý không thể nghiêng lệch, là vì muốn chứng tỏ rằng, cái mất mát của sự nghiêng lệch là không có lợi ích, nghĩa là nếu tất cả là vô ngã, thì tu hành đạo nghiệp sẽ không có kết quả, chính là nói về lỗi nghiêng lệch.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Không lìa khổ, nghĩa là nếu Ngã ở ám thì cùng với ám là một. Nếu “Ngã” là thường, thì khổ lẽ ra cũng là thường? Nếu khổ là thường, thì việc không nên lìa, mà nay, khổ chắc chắn có thể lìa. Do đó biết được quả Thường không ở trong thân.

Sáu Quyển chép: “Dù cho có “Ngã” thì cuối cùng không trải qua khổ, mà vì phải trải qua khổ, nên biết không có “Ngã”.

Không có lợi ích, là nếu đến kỳ hạn cuối cùng, thân người bị tiêu diệt, thì hóa ra hoài công tu tịnh hạnh!

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu chấp thân này có thần Ngã, thì đó là thường Kiến. Người này rốt cuộc không lìa khổ, cũng giống nói Đức Phật đồng có cái ngã của thần ngã. Không có lợi ích, là nếu nói thân này gồm cả Phật đều là đoạn diệt, đều là pháp “không” thì tu tịnh hạnh luống uổng, nào có ích lợi gì?”

“Nếu nói các pháp đều không có Ngã” cho đến “Cũng giống như vậy, phải là do đoạn, thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là nói lỗi của người chấp nghiêng lệch, như con sâu đo, không bao giờ lìa đoạn, thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ hai, là nói trái lý chấp tướng, khởi

chấp đoạn, thường. Trong sinh tử, dù vô ngã, mà lý tánh không mất, thân minh do đó mà không dứt mất, nếu chấp tất cả đều diệt thì trên, trái với viên cùng cực, dưới mâu thuẫn với tánh nhân, đó là chấp đoạn. Nếu cho rằng có “Ngã” chân thật trụ trong sinh tử, thường mà không dứt mất, tức là chấp Thường.

Nói “Tất cả hành pháp vô thường, nghĩa là ở trên nói về “Ngã đảo”, ở đây nói về “Thường đảo”. Dưới đây nói về sáu câu khổ, vui đối nhau. Tu tất cả pháp thường, sẽ rơi vào thường kiến. Rơi vào thường kiến, là muốn nói về phàm phu buông bỏ, nắm lấy không nhất định: Có lúc chấp đoạn, có khi lại chấp thường, giống như con sâu đo.”

“Do nghĩa này, nên người tu các pháp khổ” cho đến “Xa lìa hai bên mà nói pháp chân thật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Lỗi chấp nghiêng lệch trên đây có phân biệt tướng khác. Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là ý thứ ba, vì nói như lý, cho nên hiểu rõ. Sở dĩ nói “Khác” là vì nếu trước kia đã nói quả Phật thì sinh tử khác chưa nói, hay trước đã nói sinh tử thì cũng giống như vậy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trong năm phần này, phần hai nói về được. Sinh tử khác với Niết-bàn. Niết-bàn cũng khác với sinh tử. Vì được làm điều lành. Nên người phàm phu qua đó không có hoài nghi, như người bệnh suy dinh dưỡng ốm yếu, ăn uống đầy đủ thì sức khỏe trở nên nhẹ nhàng, vui sướng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phàm phu đối với việc đó, còn không có chút gì nghi ngờ trong khi làm việc đạo, để được dễ dàng tiến lên quả vị Phật, hướng chi là bậc Thánh ư? Đây là giải thích về nghĩa “Vào” nói trên”.

Kính Di ghi lời của Tăng Tông rằng: “Nghi là bến của sự am hiểu, đã có sự điên đảo nặng nề ở lòng mình, thì đâu chấp nhận sự hiểu biết nghi ngờ?”

Sức khỏe nhẹ nhàng vui sướng, nghĩa là người gây yếu không chịu dùng nhiều bơ, vì cử động vội vã, không ngừng, đoạn thường không nhất định, nắm lấy buông bỏ, dễ đổi thay”.

Tuệ Lăng thuật lời của Pháp sư Tăng Tông rằng: “Người phàm nghe Phật nói xong liền được, không có nghi ngờ, như người bệnh gây yếu, uống ăn sữa, bơ, sức khỏe sẽ được nhẹ nhàng, vui sướng, mà ít cử động”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Không có nghi ngờ, là kết thúc ý trên. Từ câu: “Như người uống thuốc bỏ v.v... trở xuống là ý thứ ba, nêu

chung được, mất làm thí dụ. Về ví dụ uống thuốc bổ này, là nói về cái có của được, mất. Nghĩa là người trí được lý, thì sẽ có lợi ích, như người bệnh uống thuốc bổ sẽ được dồi dào sức khỏe. Dưới đây sẽ dùng bốn đại để dụ cho mất mát”.

“Thể tánh của các pháp hữu vô, không nhất định. Ví như tánh của bốn đại không đồng, đều tự trái nhau”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không nhất định, nghĩa là không nghiêng lệch. Vì Niết-bàn là thật, nên gọi là Diệu hữu. Vì sinh tử giả dối, hư ảo, nên nói là vô. Nhân, quả nối nhau, trong một thể mà có hai tướng. Không nhất định, đây là nói về lý pháp không nghiêng lệch”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Người bị mất làm thí dụ, vì sẽ làm thí dụ, nên trước là, nêu người mất, nghĩa là chấp đoạn, thường. Chấp đoạn là vô, chấp thường là hữu. Đã là chấp ngang trái, cho nên không nhất định. Dưới đây, dẫn ra bốn đại, tánh chất của chúng đều khác để so sánh. Như chấp thường.” “Thầy thuốc đã khéo biết tùy phát hiện tính chất nghiêng lệch của bốn đại kia” cho đến “Phật tánh thanh tịnh, thường trụ không thay đổi”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phiền não của chúng sinh phát nghiêng lệch, Như lai cũng có giáo nghiêng lệch để dứt trừ “Hoặc” nghiêng lệch của chúng sinh đó, sao cho hợp với Trung đạo. Hoặc nghe nói nghiêng lệch rồi cho rằng Phật tánh thay đổi”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là ý thứ tư. Thầy thuốc là Đức Phật. Nếu là người bệnh thường thì sẽ nói giáo nghiêng lệch cho họ nghe. Nếu là người bệnh “Đoạn” thì sẽ nói viên giáo cho họ nghe. Cho đến ba độc khác nhau, cũng nói ba thứ thuốc để chữa trị ba độc đó”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn thứ tư làm ví dụ với Đức Phật, như người thầy thuốc kia đã khéo biết nguồn gốc bệnh cho nên, ứng với bệnh, thì bệnh sẽ hết.”

“Nếu nói là “Có” thì lẽ ra người trí không nên nhiễm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đoạn văn sau có dẫn chứng. Nếu chắc chắn “Có” Phật tánh, thì đó gọi là đấm nhiễm. Nếu chắc chắn “Không có” Phật tánh, thì gọi là nói dối.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đoạn năm lại nêu lý, để xem xét “Hoặc” là tội. Nói sinh tử có “Ngã”, là nhà chấp ngã, vì sao gọi là nhiễm ư? Mà nói là người nhiễm, thì phải biết là bất chính, nhận lầm không hợp lý.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đoạn năm, khuyên bảo người tu hành hãy lia chấp mắc, rằng Tam bảo nhất thể của thân vị lai, nên nói là như pháp của chất tượng, chấp mắc mà lấy.”

“Nếu nói là vô thì tức là nói dối.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu trong quả tròn đầy, thì sẽ không có “Ngã” tự tại, nghĩa là bậc Thánh vì sao im lặng? Ông lại nói năng ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu nói là vị lai thì hai đầu, ba đầu đều không có, tức là nói dối!”

“Nếu nói là “Có” thì không nên im lặng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không nên có bậc Thánh im lặng. Lo nghĩ đến lợi ích vì các pháp “Không” nên gọi bậc Thánh im lặng. Ở đây không có câu đối.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu sinh tử có ngã và lúc xem xét câu hỏi, thì vì sao im lặng ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Không nên như đối tượng mà người của đạo Độc tử đã chấp. Như các câu này nhằm khuyên bảo, khích lệ người tu hành phải sừ tâm lý để lãnh hội Trung đạo. Cũng giống không nên hý luận tranh cãi” cho đến “Không hiểu tạng sâu kín của Như lai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nói không có sự nghiêng lệch trong lý, chấp nghiêng lệch là cạnh tranh, không nghiêng lệch thì hiểu rõ chân.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Một ngang bằng với bốn chấp đều co lỗi, lỗi “Tức” sắc, như phái tăng-già, lỗi “Lìa” sắc, như Vệ thế sư. Chấp nhất thân ngã không phải một, không phải khác, như người của đạo Độc tử. Ngoại đạo đoạn kiến chấp tất cả là không. Lại, trái với trước, đều là tranh tụng. Chỉ cầu biết rõ, tức là đối tượng chấp bất chính, chỉ phải cầu lý thật tướng, đâu thể khinh thường mà sinh chấp ư?”

“Nếu nói về khổ, thì người ngu bèn nói rằng” cho đến “Thân ta có hạt giống Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nói về được mất, nay lại khuyên. Nói về tánh của chánh nhân là thường, thường tức là lạc.”

Kính Di ghi lại lời Tăng Tông rằng: “Dưới đây là đoạn tám, lý do mê giáo nghiêng lệch mà khởi “Hoặc”. Trong đây có ba lượt nói về con người mê lầm giáo:

1. Mê lầm giáo nghiêng lệch.
2. Mê lầm viên giáo.
3. Mê lầm cả giáo nghiêng lệch và viên giáo.

Nếu nói về khổ thì người ngu cho là vô thường, đây là mê lầm “Hoặc” thứ nhất. Trên giáo nghiêng lệch chỉ nói khởi “Hoặc”, chứ chưa nói rõ về bắt đầu khởi “Hoặc”. Nay nghĩa về nguồn gốc khởi “Hoặc”.

Nếu nói về thứ lớp, thì nên trước, mê hoặc trên viên giáo, thường nói nghĩa này. Biết chấp tà là sai. Nay bắt đầu mê lầm giáo thiên. Đối với tất cả đều khổ, lại không thể nhận biết thân có tánh lạc.

Câu trên nói quá lời rằng: Đức Phật cũng vô thường. Lời nói này chưa phải đều không có Phật tánh. Nếu bốn câu như: Vô thường, Vô ngã, không, tịch đều là hữu vi, giải thoát là vô vi. “Vô ngã” là “Chúng sinh không”. Không, tịch là “Pháp không”.

Thân ta có hạt giống Phật tánh: Chúng sinh là chánh nhân, làm hạt giống.

“Nếu nói vô ngã thì người phàm sẽ cho là” cho đến “Dù có qua lại, nhưng vẫn thường trú không thay đổi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhân quả hữu vi khởi từ điên đảo, giả danh không thật. Như huyền hóa, nghĩa là thấy từ duyên.”

Kính Di ghi lời Tăng Tông rằng: “Như kinh Tịnh Danh chép: “Ca- chiên-diên về sau sẽ rộng nói nghĩa đó, chứ chẳng phải trực tiếp thông đạt Phật địa không có khổ, cũng giống chẳng biết được “Bát sinh” của khổ”. Cho nên, bị Tịnh Danh quả trách.

Đầu tiên nói khổ, kế nói vô thường, kế là nói vô ngã, rồi nói “Không”, chẳng nói bất tịnh.”

Pháp Liên ghi lời Tăng Tông rằng: “Như huyền hóa, nghĩa là kinh Đại Phẩm chép: “Dù cho có một pháp nào hơn Niết-bàn, ta cũng nói pháp đó như huyền, như mộng.” Lời nói này đều không, như tám muôn kiếp đoạn, là Sư tử trong loài người. Dù có đến đi, nhưng vì nói tương che lấp, nên nói là Phật cũng diệt, mà sự thật thì pháp thân vẫn chân thường bất diệt.”

“Nếu nói vô minh làm nhân “Duyên” các “Hành”” cho đến “Tánh không hai, tức là thật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ở trên, vì không phân biệt là lỗi. Ở đây lấy tướng nhân quả nhất định, vì chấp mắc hữu vi, nên là lỗi. Dưới đây, lấy khổ, vô thường, vô ngã để chứng minh rõ ràng sự sai lầm chấp mắc vô vi.

Tánh của “Ngã” đối với “Vô ngã” không hai, đây là nói Trung đạo Đệ nhất nghĩa, là hai bên hữu, vô.”

Kính Di ghi lời của Tăng Tông rằng: “Đây là đoạn tám, có nghe Sư nói: “Nhưng ở đây gọi là mê Viên giáo mà khởi “Hoặc”. Y theo đoạn văn mà xét, thì không có gì chứng tỏ có khác, mà tùy ở người giải thích mà thôi. Chỉ vì ở trên đã nói về Trung đạo hữu, vô, nhưng cũng là việc phải nói rõ về Trung đạo nối nhau, vì thế của nghĩa đó quan hệ

nhau. Ba câu trước y theo pháp hữu lậu để nói về hai pháp đen, trắng, nhân, quả, bèn cho là cách nhau như trời với vực, nghĩ là sanh hai pháp. Người thấu rõ sâu sắc về lý do khác nhau của thể nhân, quả, nên không nói là một. Vì tương quan nhân quả, nên không thể nói khác.

Pháp Liên ghi lời Tăng Tông rằng: Đây là lượt thứ hai, mê viên giáo. Nghe nói pháp thân là Thường, Học địa vô thường, phạm phu chấp rằng: “Phật và chúng sinh có minh và vô minh khác nhau, hữu vi, vô vi đều không liên quan nhau.

Giáo thiên cũng nói về mười hai nhân duyên, vì sao khác nhau? Vì mượn dùng làm thí dụ. Đối với minh, vô minh, còn không hiểu rõ, huống chi khéo thông suốt lý mầu nhiệm của viên giáo ư?

Vô minh là nhân, còn minh là quả, dưới đây, các câu hữu vi, vô vi... đều như vậy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lớp thứ hai dưới đây nói về Trung đạo thật tướng. Nếu nói thẳng giáo xưa thì chấp riêng sinh tử, “Không”, “Hữu” là thật. Nếu nói theo kinh nay thì biết được, thể nhiệm mầu của thân minh Chân như là thật. Biết tâm Kim cương trở lên là khổ, không, vô thường và quả Phật là thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu hiểu như thế thì đối với hai bên đều được thật nghĩa, thành hạnh Trung đạo. Vì sao? Vì thể của sinh tử là không, cũng trên đây không hai, không khác. Thể Niết-bàn như như, cũng xưa nay vô tướng, đây là thể, nhận thức lý thật tướng của các pháp. Tuy nhiên, trong đây đã nói, chỉ một con đường này. Việc đã từng trải dưới đây dù nhiều, nhưng nghĩa thật tướng kia phải không còn khác nhau nữa.

Nói về người chấp tướng, cho rằng, pháp nhân duyên có tánh nhất định, vô minh cũng có tánh nhất định, hai vật thể đều không quan hệ nhau. Cho nên Đức Phật nói: “Lý thật tướng kia, đều không thật có.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây sẽ nói về pháp nối nhau. Trên đã giải thích về Trung đạo của một đoạn không khác. Có hai ý:

1. Nói về thuyết không hai, tức là Thật tánh, chính là làm rõ không “Khác”, không phải “Một”, một giả gọi là nghĩa.

2. Từ “Ngã” và “Vô ngã”, tánh không hai” cho đến “Không có hai tướng”, là ý thứ hai. Vì tướng lý sâu xa, e người nghe không hiểu ngay, nên mới dẫn chứng đã được Chư Phật ngợi khen và kinh Đại phẩm cũng có nói: “Ta cũng có nói lý giả một”, dùng để chứng minh cho thuyết nay, nói về lý đó rất thật, chẳng thể không tin.”

“Nếu nói nên tu tất cả pháp khổ” cho đến “Tánh không hai, tức là thật tánh.”

Xét: Kinh Di ghi lời Tăng Tông: Xét lời nói này tương tự như mê viên giáo mà khởi “Hoặc”. Nói Kim cương trở lên, tất cả pháp lạc, nghe lời nói này, cho là thiên nhiên khác lạ. Đây là mê trì trệ một bên của nghĩa giả đối nối nhau. Nếu không y theo cách giải thích này, mà lại căn cứ vào giáo thiên khởi “Hoặc”, thì chính là nói giáo nghiêng lệch nói tất cả khổ, rồi cho rằng Bí tạng cũng khổ. Khi nghe lời nói này, phàm phu sinh ra chấp đoạn tức là niệm niệm sinh diệt, trước diệt, sau khởi, đều không quan hệ nhau, liền trái với chỉ thú không khác của nối nhau.

Pháp Liên ghi lời Tăng Tông rằng: Lược thứ ba, giải thích tình người có nghi rằng, hai người mê lầm hai giáo, chính là kết với một người. Tất cả pháp là giáo nghiêng lệch. Phàm chu cho là hai, là viên giáo, lẽ ra cũng như trước, có đủ năm câu, chỉ nói khổ, vô ngã, dựa vào quán vô ngã, được cả “Pháp không”, Niết-bàn cũng “Không”, gồm cả cũng tận.

“Ngã và tánh “Vô ngã” không hai cho đến “Ông phải cung kính, thọ trì như vậy.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nhân duyên không được lìa nhau, vì nhân duyên có, nên tu học được thành Phật, há lìa vô ngã mà có “Ngã” hay sao?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là chánh lý thứ tám. Như người trí đã hiểu định luật nhân quả liên quan nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Theo thời giáo xưa, thì không nói “Ngã”, “Vô ngã”. Nếu theo giáo nay thì không cần nói.”

“Ngã” là nói theo quả Phật, “Vô ngã” là nói theo sinh tử, trong phần nói về thật tướng thì không có khác.”

“Này người thiện nam! Ông cũng phải ghi nhớ, giữ gìn vững chắc kinh điển này” cho đến “nói “Ngã” và “Vô ngã” không có hai tướng.” Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Kinh ấy đã nói về nghĩa không hai,

cũng như thuyết nay.”

Kính Di ghi lời Tăng Tông rằng: Đây là đoạn tám, dẫn Trung đạo mà giáo “Không” xưa đã nói để làm chứng. Trong phẩm Đăng Chủ kia có nói, ngọn lửa trước, ngọn lửa sau đều không thể cháy xém. Sự cháy xém cũng không lìa ngọn lửa trước, sau.” Giáo xưa đã nói từ lâu rồi, không phải riêng gì giáo nay mới nói, lại nêu ra tình ý sai lầm, chẳng phải là điều mà kinh không giải thích.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là lớp thứ ba, nói về làm nghiệp lành. Y theo người tu hành mà giải thích về Trung đạo nối nhau. “Ngã”

“Vô ngã” ở đây không khác với cách giải thích trên, nhưng đối tượng mà ở trên đã nói là y theo “Không”, chẳng có bên “Khác”. Nay, ở trong đây bàn về bên nối nhau kia. Chuyển biến lời nói của một người tu hành nối nhau này, nên nói là “Ngã”, “Vô ngã”. Cho nên dẫn kinh Niết-bàn để làm chứng cho nghĩa nối nhau, là vì như nhân trở thành nghĩa giả. Nếu nói thẳng là “Một” thì không gọi là nhân thành. Nếu nói “Đều khác” thì cũng không gọi là nhân thành. Nhân thành, nghĩa là có chủ thể thành (năng thành) và đối tượng thành (sở thành). Năng thành là chung. Sự nối nhau nay cũng như thế, thẳng “Một” cũng không nối nhau. Nếu nói thẳng là “Khác” thì cũng không nối nhau, phải là pháp trước lui đi, pháp sau khởi lên, để bù đắp lại chỗ từng có này. Vì giả gọi lời nói Trung đạo nối nhau. Từ nhân đến quả, giống như sự nối nhau của năm vị.”

Pháp Liên ghi lời ngài Tăng Tông nói: Đây là đoạn chín, dẫn kinh làm chứng. Nhưng kinh Đại phẩm thì không nói về nghĩa “Ngã”, “Vô ngã” mà nói không phải do sơ tâm mà được, không phải lia sơ tâm mà được thành nghĩa không hai.”

“Như do sữa sinh lạc, do lạc được bơ sống” cho đến “Do bơ chín mà được đề hồ.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nêu việc gần, để dụ cho lý xa.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ba thứ Trung đạo lấy nhân duyên làm gốc, chỉ chứng minh cái khác của nhân duyên, nghĩa là tự nói trước giải thích chánh nhân, như Pháp sữa, lạc... sau, phá chấp ngang, trái thành nghĩa nhân sinh.”

Kính Di ghi lời của Tăng Tông nói: “Dưới đây là đoạn chín, mượn ví dụ để làm rõ chỉ thú “Một”, “Khác” của Trung đạo. Trước là nêu ba quan điểm: Trong đây không thừa nhận “Từ tự tha sinh ra”, mà cho là “Từ sữa sinh”. Lời nói này chưa rõ. Dưới đây, nhân Bồ-tát Ca-diếp nêu câu hỏi về nghĩa hữu, vô, mới được sáng tỏ.

Pháp Liên ghi lời của Tăng Tông rằng: “Đoạn mười là mượn sữa, làm thí dụ, cũng chứng thành chỉ thú không hai thứ tám, mà nhân quả liên quan nhau.

Nhân sữa sinh lạc (sữa đông đặc), nghĩa là từ nhân đến quả, về lý không được khác nhau, bởi lý Phạm, Thánh là lý liên quan nhau.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Thứ ba kể là, nói về Trung đạo nhân quả, gồm ba phen qua lại:

1. Đức Phật tự nói.
2. Bồ-tát Ca-diếp thưa hỏi.

3. Đức Phật đáp.

Dưới đây, sau cùng không có hai tướng, là ý thứ nhất.

“Chất lạc là từ sữa sinh ra” cho đến “Chất đề hồ (sữa đông đặc) cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nghiệm xét trong luân lý, phải từ duyên sinh, không phải từ người khác, không phải từ mình.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Trước là mở ra ba chương môn.”

“Nếu từ cái khác sinh, tức là cái khác làm ra, chứ chẳng phải từ sữa sinh ra. Nếu chẳng phải từ sữa sinh ra, thì sữa sẽ không làm ra chất lạc.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Chẳng phải sữa, tức là không, há từ cái khác ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu nước sinh ra lạc thì sữa thành cái gì?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tức cái khác làm, nghĩa là ngoài sữa, thì muôn vật còn lại đều thích hợp với cái khác đó.”

“Nếu tự sinh thì không nên giống nhau” cho đến “Chắc chắn không còn từ chỗ khác đến.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nếu có thể tự sinh thì đâu cần phải nối nhau, giống nhau?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu tự sinh thì không nên cần sữa. Nếu quyết định phải nối tiếp từ sữa mới sinh, thì chẳng thể không có nhân, tức chẳng phải tự lực. Tức là không đều cùng sinh, nghĩa là vì nối nhau, nên không cùng sinh, nếu là tự sinh thì cũng có thể cùng sinh.

Không từ chỗ khác đến, nghĩa là hoàn toàn không cùng sinh, nên nói không phải chẳng tự sinh. Lại giống như từ chỗ khác đến, nối tiếp với cái sau kia.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu hỏi này có ba lớp:

1. Cho là không nên nối tiếp sữa.
2. Cho là cùng sinh với sữa.
3. Cho là lẽ ra từ chỗ khác đến.”

“Phải biết rằng trong sữa trước đã có tướng của lạc.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Không từ chỗ khác đến, lại không có tự sinh, chỉ vì từ sữa mà ra, nên nói “Trước đã có tướng của chất lạc.”

“Vì nhiều vị ngọt, nên không thể tự thay đổi, cho đến chất đề hồ cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước có tướng của lạc (váng sữa), nghĩa là trước đã có vị ngọt. Không thể tự thay đổi, nghĩa là chờ rượu

đục, mới biến nhiều thành ít. Vị ngọt nhiều thì thành sữa, vị ngọt ít thì thành lạc, nên “Chẳng phải một”. Đồng là chất ngọt, vì tánh chất không khác, nên gọi là nghĩa Trung đạo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trước đã có tướng của lạc, nghĩa là nói quả trong nhân, vì có nên nói là hữu”

“Con bò cái này do uống ăn nước, cỏ” cho đến “Sữa của nó sẽ khác nhau về màu sắc, mùi vị.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dùng nhiều việc để làm chứng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Gọi là béo ngậy: Đây là lấy người tu hành làm thí dụ. Núi Tuyết, dụ cho thân năm ấm. Cỏ dụ cho sáu hạnh lý của tánh nhân quả Niết-bàn thì sẽ hưởng thẳng về quả Phật, không trải qua bốn đường.”

“Các chúng sinh này vì nhân duyên của nghiệp mình, vô minh, nên sinh ra hai tướng.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì trái với minh thành vô minh, nên mê lầm tướng không hai thành hai, chẳng phải vốn là hai.”

“Nếu vô minh chuyển thì biến thành minh” cho đến “Cũng giống như vậy, không có hai tướng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chúng sinh có tâm, biết khổ đáng chán, niềm vui đáng mong cầu. Vì không biết khổ, nên gọi là vô minh. Nhận thức thì danh từ vô minh sẽ được thay đổi, tức là có sự khác nhau giữa ánh sáng và bóng tối “Chẳng phải một”.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Trong sữa có lạc, nghĩa đó thế nào?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trung đạo của nhân duyên là lìa “Có”, “Không”. Thuyết mà Chư Phật đã nói trên, vì có nghĩa vị Trung đạo, nên có câu hỏi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở trên nêu ba quan hệ, để nói tự, tha đều có lỗi. Cho rằng từ sữa sinh, về lý chưa thể thấy. Đặt ra câu hỏi chắc chắn hữu, chắc chắn vô, sao cho chỉ thú của Trung đạo được sáng tỏ.”

“Bạch Đức Thế tôn! Nếu nói rằng trong sữa chắc chắn có tướng lạc,” cho đến “Vì sao trong sữa không sinh ra cỏ?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong một trăm thứ cỏ, lẽ ra cũng có sữa? Như vậy, trong sữa cũng có cỏ và cỏ là nhân, sữa là quả. Nếu cho rằng trong nhân có quả thì trong quả cũng có nhân, đây là phạm lỗi nói tới nói lui!”

“Này thiện nam! Không thể nói chắc chắn trong sữa có lạc” cho đến “Cũng không thể nói từ cái khác mà sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì khi vị ngọt không có chua, nên “Chẳng phải có”. Vì vị ngọt là nhân của chua, nên “Chẳng phải không”. Không từ cái khác sinh, nghĩa là chắc chắn do sữa sinh, chứng minh cho nghĩa nhân.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đức Phật tự phân biệt, lia hai bên mà được sinh ra lạc.”

Trên đã phân biệt không tự sinh, ở đây không giải thích nữa.

“Nếu nói trong sữa chắc chắn có lạc” cho đến “Trong sữa chắc chắn có tánh lạc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Màu vàng nhạt vị chua ngọt, đã không phải một loại, nên biết khi có sữa, thì không có lạc.”

“Nếu nói trong sữa chắc chắn không có lạc” cho đến “Không thể nói rằng trong sữa không có tánh lạc.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu cho rằng không có lạc của sữa, như không có sừng thỏ, thì vì sao sinh ra lạc, mà không sinh ra sừng thỏ?”

“Nếu nói lạc này từ cái khác mà sinh” cho đến “Chẳng thể nói rằng lạc từ cái khác sinh.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Hoàn toàn y cứ vào chắc chắn “Có”, chắc chắn vô mà thành lỗi. Nay, lại phân biệt từ cái khác sinh là lỗi. Vì nếu từ cái khác sinh, thì tại sao trong nước không sinh ra lạc?”

“Này người thiện nam! Con bò cái này vì nhân duyên ăn cỏ, nên máu biến thành màu trắng.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Về lỗi của ba quan hệ, ở trên đã giải thích cụ thể. Nay sẽ nói về nghĩa thích đáng, chẳng phải không cần duyên mà có nghĩa thay đổi, đây là nói về nghĩa của duyên giúp đỡ.”

“Cỏ, huyết tiêu mất rồi, do phước lực của chúng sinh” cho đến “Lìa sữa mà có, thì không có việc đó.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cỏ, sữa dù khác, nhưng vì có nối nhau nên trở thành nghĩa một vị, không được chấp rằng tự nhiên là khác.”

“Này người thiện nam! Minh và vô minh cũng giống như vậy” cho đến “Trở thành chất đề hồ, Phật tánh cũng vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Chúng sinh có năng lực cảm quả. Vì quả có tác dụng đáp lại tác dụng của nhân, nên có công năng chuyển bóng tối thành ánh sáng. Sữa lại có lạc không thể thành hai, chẳng lẽ chúng sinh và Phật thành hai hay sao. Đầu cuối nối tiếp nhau, giả nói là một, đúng ra có thể nói từ duyên sinh.”

“Này người thiện nam! Chúng sinh phước mỏng không thấy được thứ cỏ này” cho đến “Liên thấy được Phật tánh, thành đạo vô thượng.”

Xét: Pháp sư Đàm Tiên nói: “Từ dưới đây, là đáp câu hỏi: “Làm thế nào các Bồ-tát thấy được tánh khó thấy ấy?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phật tánh không phải tạo tác mà có nghĩa là Phật tánh của chánh nhân không phải chiêu cảm bởi thiện ác, thì làm sao có thể tạo lập, nên biết căn bản của thể thần minh có pháp tánh này làm nguồn. Nếu không có vật báu tự nhiên như thế, là gốc của thần lực, thì công dụng ấy nên thay đổi, mà dụng của Phật tánh kia vẫn thường như vậy, phải biết rằng chẳng phải mới tạo ra. Nếu thần minh hoàn toàn từ nhân duyên của nghiệp mà khởi, không lấy Phật tánh này làm thể thì nay, làm sao nói rằng trong thân độc có vua thuốc hay, cái gọi là Phật tánh, không phải pháp tạo tác?” Nên biết rằng, do y cứ vào chánh nhân mà thành lời nói. Nếu là tánh quả thì chất độc trong thân, lý tự không có. Lại không nên dùng quả sau dựa vào nhân. Nếu dùng quả sau dựa vào nhân, thì như kinh Thắng man nói: Vì dựa vào sinh tử nên có Như lai tạng, mà lại nói: “Dựa vào Như lai tạng có sinh tử, gọi là khéo nói, không tức là văn này ư? Biển cả dù mặn, cũng có thượng vị, lý vi tế có thể y cứ.”

“Ví như giữa hư không, có sấm dậy, mây giăng” cho đến “Có thể đền đáp ân Phật, mới thật là đệ tử Phật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hư không dụ cho Phật. Sấm dụ cho Niết-bàn, ngà voi dụ cho chúng sinh, “Hoa” dụ cho thấy tánh. Nghĩa là Phật tánh do kinh mà thấy.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là đoạn kết thứ mười.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Là lòng thay!” cho đến “Như ông đã khen, không trái với lời ta nói.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi: “Các Bồ-tát làm thế nào thấy được tánh khó thấy, cũng là nhân sống lâu. Trên đã giải thích về điểm bắt đầu của nhân ba quy y. Một lượt hỏi đáp ở đây là cuối cùng của nhân.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Từ “Nếu ta trụ đến nay” cho đến “Phẩm Văn Tự”, là đáp câu hỏi này. Trong ba quy y trên, nói tánh ngã có Phật tánh, dường như có tánh thần ngã, đó là Phật tánh, cho nên nay nói rộng về Phật tánh chẳng phải có, chẳng phải không, lia cả hai bên, trụ trong Trung đạo, không có tướng để chấp. Nếu chấp thì sẽ rơi vào hai bên đoạn, thường. Tánh ấy huyền diệu, Nhị thừa chẳng thể suy lường. Đại sĩ Thập Trụ vẫn còn một giai vị Noãn, chẳng lẽ không phải khó thấy ư?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là đáp câu hỏi, có bốn lượt:

1. Kính khen Phật tánh, Đức Phật liền trình bày thành tựu.
2. Nêu câu hỏi, xin Phật giải đáp. Đức Phật đáp ngay.
3. Thỉnh cầu lập thế, Phật liền nói cho nghe.

4. Bồ-tát Ca-diếp đặt ra câu hỏi. Đức Phật liền đáp. Đây là kính khen ngợi thứ nhất.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Phật tánh ấy rất sâu, khó thấy, khó vào là sao?”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là thứ hai, nêu câu hỏi, xin Phật giải đáp. Phần khen, thuật đã xong, lại nêu câu hỏi.”

“Phật nói: “Này người thiện nam! Như một trăm người mù” cho đến “Giờ ba ngón tay, người mù mới thấy thấy lờ mờ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giáp vàng dụ cho các kinh giáo. Một ngón tay dụ cho các kinh của ba thừa. Nói ba Niết-bàn, thật ra Đức Phật muốn chỉ bày một Niết-bàn thường trụ. Vì văn ẩn nghĩa sâu nên ví dụ một ngón tay. Hai ngón tay dụ cho Pháp Hoa, đả phá hai Niết-bàn. Nhất thừa dù tỏ rõ, nhưng “Ngã thường” chưa sáng, dụ cho hai ngón tay. Ba ngón, dụ cho thuyết thường, lạc của Phật tánh nay, tức như người mù thấy ở chỗ tận cùng. Tận cùng, thì cảm quả, lý rõ ràng, nói xong liền thấy. Mới bắt đầu, thì sự sâu kín, khi nói, dù có chỉ bảo cũng không hiểu rõ. Cho nên kinh nói: “Bồ-tát Thập Địa thấy sau cùng, không thấy điểm bắt đầu.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Người mù dụ cho Thập địa trở xuống, còn sinh tử. Một trăm người, là cuối của số mười. Tạo Y nghĩa là khéo cảm Thánh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Câu hỏi khó thấy tánh, là tánh của chánh nhân. Ở đây trong lời đáp, chính là nói về duyên nhân, nghĩa là vì ngày được quả Phật, mới nói biết chánh nhân, chứ không phải chỉ có tánh quả khó biết, mà ngay tánh của nhân cũng khó biết. Văn dưới đây nói: “Thập địa biết chung cuộc, không biết bắt đầu, cho nên hỏi, ở chánh nhân, đáp dùng duyên nhân.”

“Này người thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn mẫu nhiệm này” cho đến “Như lai đã nói, mới thấy được chút ít.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Bồ-tát Thập Trụ phải nghe kinh Niết-bàn này mới thấy được Phật tánh lờ mờ. Dưới đây nói rằng dù nghe Niết-bàn, nhưng không thể chỉ có chánh tín mà thôi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Y cứ vào văn để tìm nghĩa, đây thật là khó, làm sao bước lên từng bậc? Địa Pháp Vân còn không biết có Phật

tánh, nên mới cần Phật giảng nói, mới được thấy ư? Ở đây nói là trụ trong ba mươi tâm trước. Mười tâm đầu gọi là Thập trụ, mười tâm thứ hai gọi là Thập hạnh, mười tâm thứ ba gọi là Thập hồi hướng. Dù cho Bồ-tát tu hành khổ hạnh trong vô lượng kiếp, cũng vẫn không được nghe kinh Niết-bàn này, Tín đứng đầu năm căn, cuối cùng cũng không thể lập. Khi tín căn được lập, chính là tâm thứ ba mà thôi! Như trước đã giải thích Bồ-tát Thập Trụ thì Bồ-tát Pháp Vân Địa cũng không hiểu được. Nói thấy đôi chút, nghĩa là sau khi nghe Đức Phật nói, tuệ tính sáng suốt dần dần, nên nói là thấy một ít”.

“Đại Bồ-tát này đã được thấy” rồi cho đến “Người Duyên giác mà thấy được ư?”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây, sau cùng vẫn còn bị vô ngã luân mê hoặc. Trước kia, nói tánh nhân quả cho Bồ-tát nghe, được tiến đến lập căn, bước lên Sơ địa, lúc tiến đến hạnh Thập địa mãn, là đã lia chướng mỏng manh. Bấy giờ mới thấy tánh lẽ mờ, tám tự tại “Ngã” “Không”. Dù quán “Không” này, nhưng vẫn còn trông cậy để nhập vào tâm vô ngã. Vì tình kia chưa quyết đoán, nên nói là bị vô ngã mê hoặc, chứ chẳng phải chấp Phật địa một cách ngang trái, cho vô ngã là mê hoặc”.

“Lại, này thiện nam! Ví như xa trông” cho đến “Các vị Thanh văn, Duyên giác chẳng thể thấy biết”.

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói rằng: “Gồm có chín thí dụ, vì khó thấy làm thí dụ”.

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Có tánh chúng sinh đều nói có ngã”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Ý hỏi rằng: Nếu chỉ có Đức Phật là “Ngã” mà khó thấy, thì phàm phu ngăn cách như trời với vực, không nên nghĩ là có ngã. Tưởng “ngã” dù mê lầm, nhưng phải có lý do. Nếu có lý do, thì không phải cao xa dứt bật, thì sao lại nói Bồ-tát Thập Trụ mới thấy lẽ mờ ư? “

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lý đã sâu mầu, thì danh cũng nên quý nặng, vì sao người đời cũng tự tạo nên danh từ thường lạc để truyền đạt cho đời ư?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là đoạn bốn, dù nghe thuyết trên đã nói, nhưng vẫn chưa hiểu, nên cố chấp phàm phu có “Ngã” để hỏi”.

“Phật nói: “Ví như hai người là bạn thân với nhau” cho đến “Hai người đó thường qua lại với nhau”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Người kia và người này giúp nhau,

có nghĩa bạn thân”.

Pháp sư Tăng Lượng nói: Ý đáp rằng: “Nghĩa là dù rằng có lý do, nhưng về lý, tự ngăn cách, như ví dụ ở dưới. Đạo Bồ-tát rất cao quý, dụ cho Vương tử. Phạm phu không có đức, dụ cho người nghèo. Qua lại với nhau: Đệ tử thọ học, thầy có công giáo hóa nghĩa là người kia, người này giúp nhau.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Cảm qua thì ứng lại”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Qua lại là công hạnh rộng lớn với người được giáo hóa, là hoài bão tương đắc”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đại ý ví dụ này không khác với ví dụ trộm bò ở trước, chính là vì người bốn y xuất thế làm thí dụ”.

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây có ba thứ lớp:

1. Nói lên Đức Phật từng vì chúng sinh, trước nói có ngã, duyên hết, bỏ giáo hóa. Về lý, trở về với nơi chốn của bậc Thánh.

2. Dụ cho chúng sinh về sau chấp sai lầm.

3. Dụ cho Đức Thích-ca ngày nay ra đời giáo hóa rộng khắp.

Dưới đây, cùng trốn đến nước khác, là ví dụ thứ nhất.

“Lúc đó, người nghèo thấy vương tử này” cho đến “Cầm dao này trốn đến nước khác”.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Chân ngã đã nói có công năng dứt trừ “Hoặc” chấp đoạn của chúng sinh, dụ cho dao.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chân ngã thường trụ, nói là một. Tự tại dáng hài lòng, gọi là tốt. Giải thì dứt “Hoặc”, dụ cho dao. Kiệt tập hết hẳn, nói là tịnh diệu.

Tham đắm trong tâm, nghĩa là chân ngã vốn lấy dứt trừ tham làm dụng, mà hễ thấy là khởi lòng tham, chứng tỏ không hiểu rõ. Người cầm dao này, nghĩa là chân lý này chỉ có Bồ-tát mới nói được. Trốn đến nước khác: Sự nghiệp mở mang giáo hóa chưa hoàn tất, chưa nên bỏ mà bỏ, nghĩa là trốn bỏ chỗ này, đến nơi khác, nói là “Đến nước khác”.

“Về sau, người nghèo xin ngủ nhờ ở nhà người khác, khi ngủ mơ nói: “Con dao! Con dao!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Được sự hiểu biết từ thầy. Lý đã hiểu là chỗ ở an ổn, dụ cho nhà. Thầy bỏ đi, trò mất hiểu biết, dụ cho nhà người khác. Nhân gốc phải phát, tạm trú không lâu, dụ cho ngủ nhờ qua đêm. Mất hiểu biết khởi “Hoặc”, để dụ cho ngủ mê. Tâm mê mờ nói là ngã, không do hiểu biết chân thật, dụ cho nói mơ khi ngủ mê.”

“Người nhà bên cạnh nghe được cho đến, bắt nộp cho vua, vua tra hỏi: “Con dao mà người nói, hãy đem cho ta xem”.

Xét Pháp sư Đạo Sanh nói: Nếu cho thật là thật thì trở thành trộm cắp, còn cho không thật là thật thì sau mới biết là sai, nên tìm cầu nghĩa thật mà xin chỉ bày

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát đã bỏ đi, Viên giáo cũng ẩn mất. Tiểu thừa dùng vô ngã để giáo hóa. Giáo nghiêng lệch mất Trung đạo, dụ cho người bên cạnh. Trái với giáo hóa, thì mắc tội, dụ cho “Bất”. Phải trải qua sự đoạn, dụ cho “Giao nộp cho vua. Hãy tỏ bày cho ta rõ: Sơ quả đã dứt tham. Bày tỏ ngã tướng, là đối tượng mà Sơ quả đã hiểu rõ. Nay trách cứ sự mong cầu tướng tự tại của hình, sắc.”

“Người nghèo này tâu lại cho vua nghe cụ thể việc vừa xảy ra” cho đến “Người muôn có được con dao ấy, thật không thể được.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Phân tích, gạn hỏi, mong cầu, thật không thể được.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Quên năm ấm hiện tại, tìm mãi không thể được.”

“Quan và Vương tử vốn là bạn thân” cho đến “Con không dám sờ tay vào, huống chi là cố ý lấy.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nếu do tu được làm dụng, cho nên lấy. Vì được chẳng phải do tu, nên gọi là trộm.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích lý do quên. Mắt thấy, dụ cho văn tuệ. Sờ tay vào, dụ cho tư tuệ. Cố ý lấy dụ cho tu tuệ. Nghe nói giáo xưa, dù tin, nhưng ý không suy nghĩ về nghĩa, huống chi khởi tu tuệ mà lấy ư? Vì cho nên quên mất kiến giải trước kia.”

“Vua lại hỏi: Con dao nhà người đã nhìn thấy” cho đến “Tôi thấy nó giống như sừng dê đen.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Giống mà chẳng phải, hề nhìn thấy qua chẳng thể nói là thật.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sừng dê cong mà cho là thẳng. Mè, gạo tà ngã, mà phàm phu chấp giữ lấy nó mà sanh ngạo mạn.”

“Nghe kể xong, nhà vua vui mừng bảo:”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có “Ngã” là sự thật, mà “Vô ngã” thì chẳng phải quả, là nỗi lo lắng của người Thanh văn, huống chi là “Vô ngã”, vô thật vô ngã là quả, về lý, là việc đáng vui mừng!”

“Rằng, nay ta trả tự do cho người, chớ quá lo sợ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngã đứng đầu các hoặc. Năm đường là nơi thích ý. Vì thế nếu không phải Ngã kiến thì thật ra không đáng phải âu lo.”

“Trong kho tàng của ta đều không có con dao ấy” cho đến “Không

hề thấy nó, huống chi người thấy nó ở Vương tử”. Nói xong, nhà Vua bâng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ba tạng kinh là pháp tạng của Tiểu thừa, thật là do Phật nói, đều không có “Tướng ngã” này, huống chi các Bồ-tát nghe nói về “Cái ta” này ư?”

“Lập ngay thái tử khác lên kế thừa ngôi vua.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là quả thứ hai.”

“Lại hỏi các quan: “Các khanh đã từng thấy” cho đến “Đều xét tìm con dao ấy mà không được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đầu cuối đều thực thi giáo hóa vô ngã.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Kinh giáo nói hoàn toàn không có “Cái ta” mà những người kia đã chấp, huống chi ở cạnh Bồ-tát mà nghe “Ngã” bị chấp ư?”

“Lần lượt nêu bốn vị Tân vương xét tìm con dao ấy đều không được”, là nói ngàn vị Thánh dù khác nhau, nhưng kinh giáo đều đồng nhau. Chúng sinh có đến muôn phẩm loại, mà chấp ngã ở đây vẫn là một. Thứ lớp bốn vị vua: Ngàn vị Thánh nối tiếp nhau là vị Phật thứ tư.”

“Thời gian sau, vị Vương tử bỏ trốn ngày trước, từ xứ khác trở về nước, được phong làm Vua.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đức Thích-ca thành Phật”

“Sau khi lên ngôi nhà vua lại hỏi các quan:” cho đến “Các khanh đều không thấy, biết hình dáng thật con dao của trẫm.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lên ngôi vua nghĩa là nói Vườn Nai”. Ngoại đạo chấp ngã khác với Bà-la-môn chấp thần Trắng, Sát-lợi, thần Đỏ, Thù-đà, thần Vàng, Chiên-đà-la chấp thần Đen, lúc đó Vua cười nói: Thuyết Song thọ mới thật là tướng chân thật.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Trước kia đã nói bốn vị Phật đều đồng. Nay, nói Phật vị lai cũng đồng như vậy, nhưng lược nêu một mà thôi!”

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Mang con dao tịnh diệu trốn đến nước khác.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Hợp ví dụ thứ nhất.”

“Người phạm phu mê nói rằng tất cả” cho đến “Như hỏi về hình dáng con dao?” đáp: “Trông giống như sừng dê”.

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Hợp với ví dụ thứ hai.”

“Các người phạm này thứ lớp nối tiếp nhau” cho đến “Nên biết rằng, chính là tướng mạo của Bồ-tát.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Hợp ví dụ thứ ba.”